

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2008/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 06 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-VPCP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2005/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Phúc

QUY CHẾ**Thi đua, Khen thưởng**

(Ban hành theo Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND

ngày 06/11/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua: Công dân Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị- xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh, các tổ chức và cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

2. Đối tượng khen thưởng: Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, có thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế- xã hội, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua: Thi đua thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua. Mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký giao ước thi đua; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng: Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời. Thành tích đề nghị khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, đạt được ở mức độ nào thì khen thưởng ở mức độ đó, khen thưởng đột xuất, khen thưởng công lao cống hiến lâu dài không nhất thiết theo trình tự từ mức khen thấp đến mức khen cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau; không nhất thiết lần khen sau phải khen cao hơn lần trước. Mỗi hình thức khen thưởng được tặng thưởng nhiều lần cho một đối tượng nhưng khen thưởng lần sau phải có thành tích cao hơn thành tích khen thưởng lần trước.

Chú trọng khen thưởng các đơn vị và cá nhân trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng đã năng động, sáng tạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thành tích có phạm vi ảnh hưởng lớn, nhân rộng được điển hình tiên tiến. Khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính; trước hết các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trực tiếp quản lý các tập thể nhỏ, cá nhân; xem xét quyết định khen thưởng kịp thời với các hình thức biểu dương, công nhận danh hiệu thi đua, giấy khen, thưởng vật chất thích hợp theo thẩm quyền của mình. Những trường hợp đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu thì đề nghị cấp trên khen thưởng.

Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải thành lập Hội đồng Thi đua- Khen thưởng để bình xét thành tích thi đua đối với các tập thể, cá nhân của đơn vị mình và xét chọn đề nghị lên cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh về công tác Thi đua- Khen thưởng trong toàn tỉnh. Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh là cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh, có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh thực hiện tốt công tác Thi đua, Khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị- xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, nhân rộng phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng của ngành, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch UBND các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua trong phạm vi ngành, địa phương; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế. Phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên khen thưởng.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình:

- Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

- Phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

- Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Đề nghị các cơ quan thông tin đại chúng thuộc tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác Thi đua, Khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

- Tổ chức thi đua thường xuyên (Hàng ngày, tháng, quý, năm) theo ngành, địa phương và theo khối thi đua nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra;

- Thi đua theo đợt được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ công tác trọng tâm, đợt xuất theo từng giai đoạn và thời gian được xác định.

Điều 6. Phát động thi đua

Việc phát động và chỉ đạo phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chủ tịch UBND các cấp; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành, lĩnh vực, phạm vi địa phương, phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị mình phụ trách.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền mục đích ý nghĩa của từng đợt thi đua, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua.

3. Xác định chỉ tiêu và thời gian thi đua phải trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao. Chỉ tiêu phấn đấu phải cao hơn chỉ tiêu được giao; thời hạn hoàn thành phải sớm hơn thời hạn quy định.

4. Triển khai các biện pháp tổ chức phát động và đăng ký giao ước thi đua giữa các khối, giữa các tập thể với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân, gia đình với gia

đình... trong từng địa phương, đơn vị. Tuyên truyền nâng cao nhận thức ý nghĩa của công tác thi đua và tính tự giác, tinh thần trách nhiệm của mọi người tham gia, chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

5. Xây dựng kế hoạch và xác định biện pháp phối hợp giữa các cấp chính quyền với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền vận động và theo dõi quá trình thực hiện.

6. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, đánh giá kết quả thi đua (Đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt) để rút kinh nghiệm và phổ biến những kinh nghiệm tốt và các điển hình tiên tiến trong các đối tượng tham gia thi đua; lựa chọn và công khai biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân: Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và cấp Bộ, ngành Trung ương; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Lao động tiên tiến; Chiến sĩ tiên tiến (Đối với các LLVT nhân dân).

2. Đối với tập thể: Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của UBND tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Tập thể Lao động tiên tiến; Đơn vị Quyết thắng và Đơn vị tiên tiến (Đối với các LLVT nhân dân); Thôn (Bản, khu dân cư) văn hóa.

3. Đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

Điều 9. Tiêu chuẩn Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến

Danh hiệu Lao động tiên tiến và Chiến sĩ tiên tiến được xét tặng cho các đối tượng đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 24 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 12 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, ngày 30/9/2005 của Chính phủ.

Điều 10. Tiêu chuẩn Chiến sĩ thi đua cơ sở

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét tặng hàng năm cho các đối tượng xuất sắc, tiêu biểu đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 23 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 13 Nghị định 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Tiêu chuẩn Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và thành tích được công nhận trong sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp mới, hoặc áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công tác phải có phạm vi phổ biến rộng rãi trong ngành, địa phương trong tỉnh đem lại hiệu quả thiết thực.

Điều 12. Tiêu chuẩn Chiến sĩ thi đua toàn quốc

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có hai lần liên tục (06 năm liền) đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và thành tích, sáng kiến của cá nhân đó có ảnh hưởng trong phạm vi toàn quốc.

Điều 13. Phạm vi xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng

- Đối với cấp tỉnh: Xét công nhận cho văn phòng và các đơn vị thuộc Sở, Ban ngành; Văn phòng và các phòng thuộc các Ban của Đảng, Mặt trận, Đoàn thể và cấp tương đương của tỉnh;

- Đối với cấp huyện: Xét công nhận cho cơ quan Văn phòng HĐND- UBND huyện, các đơn vị thuộc UBND huyện; các Ban Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp huyện; văn phòng các xã, phường, thị trấn;

- Đối với các đơn vị sự nghiệp: Xét công nhận cho các đơn vị trực thuộc như: Khoa, phòng, tổ bộ môn; trường học, bệnh viện và tương đương;

- Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế được xét công nhận cho các đơn vị cơ sở trực thuộc như: Xí nghiệp, phân xưởng, phòng, tổ, đội sản xuất và tương đương;

- Đối với Lực lượng vũ trang được xét tặng cho các tập thể tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn và tương đương.

Điều 14. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng

1. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1.1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao;

1.2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

1.3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; không có cá nhân vi phạm an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng;

1.4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Tổ chức Đảng hoàn thành nhiệm vụ, Đoàn thể trong đơn vị đạt khá trở lên.

2. Danh hiệu Đơn vị tiên tiến được xét tặng cho tập thể thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn tại điểm 1.1, 1.2, 1.4 Khoản 1 Điều này, có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến và không có cá nhân bị hình thức kỷ luật khiển trách trở lên; không có cá nhân vi phạm an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và đạt được các tiêu chuẩn sau:

3.1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

3.2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

3.3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;

3.4. Phải có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

3.5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Tổ chức Đảng, Đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh.

4. Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu Đơn vị tiên tiến thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định như danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến thì được xét tặng danh hiệu đơn vị Quyết thắng.

Điều 15. Cờ thi đua của UBND tỉnh.

1. Đối tượng xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh:

1.1. Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm cho các Sở, ban, ngành, các Ban Đảng, Mặt trận, Đoàn thể và cấp tương đương của tỉnh; các huyện, thị xã trong tỉnh, các doanh nghiệp trong Khối thi đua có thành tích tiêu biểu xuất sắc được suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của các Khối thi đua trong tỉnh;

1.2. Các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc các Sở, Ban, ngành, các Ban Đảng, Mặt trận, Đoàn thể và cấp tương đương của tỉnh;

Các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, các cơ quan khối Đảng, Mặt trận và Đoàn thể của huyện, thị xã;

Các công ty, xí nghiệp, hợp tác xã, trường học, bệnh viện có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua mỗi ngành, lĩnh vực;

Xã, phường, thị trấn xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua của huyện, thị xã.

- Việc công nhận tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua để xét đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho các đơn vị trực thuộc phải qua đăng ký thi đua và thông qua bình xét, đánh giá, bình chọn theo các khối, lĩnh vực thi đua do các Sở, Ban, ngành, cơ quan thuộc khối Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã tổ chức.

2. Tiêu chuẩn xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh: Xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

2.1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể thật sự tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

2.2. Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập;

2.3. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, không để xảy ra lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 16. Cờ thi đua của Chính phủ

Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 25 của Luật Thi đua, Khen thưởng, được bình chọn theo các khối thi đua của tỉnh; suy tôn những tập thể dẫn đầu trong từng lĩnh vực, ngành nghề toàn quốc và tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua của tỉnh đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 17. Danh hiệu Gia đình văn hóa

Danh hiệu Gia đình văn hóa được xét tặng hàng năm cho các gia đình đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 29 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 18 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, ngày 30/9/2005 của Chính phủ.

Điều 18. Danh hiệu Thôn (Bản, khu dân cư) văn hóa

Danh hiệu Thôn (Bản, khu dân cư) văn hóa được xét công nhận hàng năm cho các thôn đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 30 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 18 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, ngày 30/9/2005 của Chính phủ.

Ngoài quy định của UBND tỉnh về danh hiệu thôn (Bản, khu dân cư) văn hoá, cơ quan văn hóa trên đây: Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ các văn bản của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về hướng dẫn chỉ đạo cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa để xây dựng các tiêu chí thi đua và danh hiệu thi đua thôn (Bản, khu dân cư) văn hóa, cơ quan văn hóa phù hợp với địa bàn dân cư và tình hình đặc điểm của địa phương.

Điều 19. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan làm công tác Đảng, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, Lực lượng vũ trang nhân dân, ngành Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ban, ngành, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, căn cứ quy chế và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, thống nhất với Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh để cùng phối hợp thực hiện.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 20. Các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng

1. Các hình thức khen thưởng: Các hình thức khen thưởng bao gồm các loại Huân chương, Huy chương; các danh hiệu vinh dự Nhà nước; giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước; kỷ niệm chương và huy hiệu; bằng khen, giấy khen theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005.

2. Các hình thức, tiêu chuẩn và quy trình xét đề nghị tặng thưởng các loại Huân, Huy chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương, Huy hiệu của các Bộ, Ngành Trung ương; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo các điều khoản của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua- Khen thưởng Trung ương và các Bộ, ngành Trung ương.

Việc khen thưởng cho các đối tượng giữ các chức vụ quản lý, lãnh đạo được quy định trong Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trước hết triển khai thực hiện cho các trường hợp đã từ trần, đã nghỉ hưu mà chưa được khen thưởng và các trường hợp có quyết định thông báo nghỉ chế độ; các đối tượng khác chỉ xét và đề nghị khen thưởng khi cán bộ đó sắp đến tuổi nghỉ chế độ mà không còn đủ số năm công tác tiếp theo để được đề nghị khen thưởng ở mức cao hơn.

Điều 21. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng cho các đối tượng sau:

1. Tập thể, cá nhân có thành tích mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt, đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (Khu vực, vùng, miền do Trung ương tổ chức) và giải nhất cấp tỉnh; tặng thưởng cho cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh (Khen thưởng đột xuất).

2. Tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua, việc thực hiện các chương trình mục tiêu, các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, của Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các đợt thi đua (Khen thưởng theo chuyên đề);

3. Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

3.1. Đối với tập thể:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm; tích cực tham gia các hoạt động xã hội;

- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ, tích cực hưởng ứng và tổ chức tốt các phong trào thi đua;

- Đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng được đảm bảo và có chiều hướng phát triển tốt hơn;

- Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng;

(Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường, sinh thái);

- Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch vững mạnh và đạt 02 lần liên tục danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị Quyết thắng".

3.2. Đối với cá nhân:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân;

- Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đi đầu trong các phong trào thi đua. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội;

- Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Phải đạt 02 lần liên tục danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

Điều 22. Giấy khen

Giấy khen của Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành và cơ quan tương đương thuộc tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; Chủ nhiệm hợp tác xã; Hiệu trưởng các trường trong hệ thống giáo dục Quốc gia tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua ngắn ngày, tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị (Khen thưởng đợt xuất). Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với tập thể:

1.1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước.

1.2. Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ và tổ chức tốt các phong trào thi đua.

1.3. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể.

1.4. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; thực hành tiết kiệm, không để xảy ra lãng phí, tham nhũng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

1.5. Phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”.

2. Đối với cá nhân:

2.1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2.2. Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2.4. Phải đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Nếu là đảng viên phải được phân loại đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng, đề nghị khen thưởng các danh hiệu và các hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định tặng thưởng Cờ thi đua của UBND tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng, Kỷ niệm chương của tỉnh;

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng.

2. Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và tặng Giấy khen;

Đề nghị cấp trên khen thưởng Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc trở lên.

Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, giấy khen và các hình thức khen thưởng khác theo thẩm quyền được giao.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã quyết định tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến và Giấy khen; tặng danh hiệu thôn, làng (Bản), khu dân cư văn hóa và tương đương;

Đề nghị cấp trên khen thưởng Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc trở lên.

4. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa;

Đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thị xã công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền cấp trên cho cán bộ và những người làm việc trong các hợp tác xã, những người lao động tự do trong các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ, thương mại (Do UBND xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý).

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở", danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và giấy khen.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp ngoài quốc doanh: Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Xí nghiệp tư nhân, Xí nghiệp liên doanh nước ngoài; Chủ nhiệm hợp tác xã, Hiệu trưởng các trường phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, Giám đốc bệnh viện quyết định công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến và đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thị xã nơi cơ quan, đơn vị có trụ sở làm việc quyết định công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt, cho ý kiến về việc đề nghị phong tặng danh hiệu Tỉnh anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng và huân chương bậc cao, bao gồm: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công cho các tập thể và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trước khi trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng.

2. Thường trực Tỉnh ủy xét duyệt, cho ý kiến về việc đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Chiến công, Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Huân chương Dũng cảm, Huân chương Hữu nghị cho các tập thể và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

3. Về việc công nhận danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định khen thưởng cho các đối tượng trên cơ sở hồ sơ đề nghị của các địa phương, đơn vị; giao Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh thẩm định, tổng hợp danh sách và báo cáo trình Chủ tịch UBND tỉnh để tiến hành làm thủ tục khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh xét duyệt, đề nghị tặng thưởng các trường hợp đề nghị khen cao gồm: Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ và Huân chương các loại trở lên. Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh xét duyệt, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích.

5. Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ký trình Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh xét duyệt khen thưởng các trường hợp thuộc thẩm quyền;

Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh các trường hợp Bộ, ngành Trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp y để trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước khen thưởng. Tham mưu cho Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh các trường hợp ngành, địa phương, doanh nghiệp đề nghị hiệp y để trình các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

6. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng các Sở, ban, ngành, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 25. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước thực hiện theo các điều từ Điều 54 đến Điều 65, Nghị định 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua- Khen thưởng Trung ương. Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh căn cứ các hướng dẫn của Trung ương để hướng dẫn cụ thể.

2. Thủ tục, hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của UBND tỉnh:

2.1. Cờ thi đua của UBND tỉnh:

Sau khi bình xét và suy tôn các đơn vị trong khối thi đua, Khối trưởng tổng hợp danh sách đề nghị khen thưởng (Nếu là khối thi đua của tỉnh). Biên bản họp Hội đồng Thi đua- Khen thưởng của các Sở, ban, ngành, các huyện, thị xã trên cơ sở các khối thi đua trực thuộc bình xét đề nghị (Theo điểm 1.2 khoản 1 Điều 15 của Quy chế này).

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng Cờ thi đua của khối;

- Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu kín đề nghị của Hội nghị bình xét của khối;

- Báo cáo tóm tắt thành tích của các tập thể đề nghị xét tặng Cờ thi đua (Có xác nhận của Trưởng khối).

2.2. Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh:

- Tờ trình đề nghị công nhận danh hiệu thi đua của Thủ trưởng đơn vị cơ sở;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng cơ sở;

- Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu thi đua (Có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng);

- Báo cáo tóm tắt sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng công nghệ mới hoặc các giải pháp, sáng kiến cải tiến lề lối làm việc có xác nhận của đơn vị đề nghị.

(Kèm theo bản phô tô các quyết định công nhận Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 3 năm liền kề của cá nhân đề nghị).

2.3. Bằng khen của UBND tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị cơ sở;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (Có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng);
- Biên bản họp Hội đồng Thi đua- Khen thưởng của đơn vị xét, đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

(Việc đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh theo Điều 21 Chương III của Quy chế này: Đối với tập thể kèm theo các quyết định công nhận Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng 2 năm liền kề; đối với cá nhân kèm theo bản phê tô các quyết định công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở 2 năm liền kề).

2.4. Thủ tục đơn giản (Khen thưởng đột xuất)

- Các trường hợp được xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo Điều 85 Luật Thi đua, Khen thưởng;
- Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng các ngành xét và đề nghị cấp trên khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất;
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm có: Tờ trình đề nghị của Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã; Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

3. Về mẫu báo cáo đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Công văn số 1668/BTĐKT-VP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Ban Thi đua- Khen thưởng Trung ương “Về việc Hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận”.

4. Lưu trữ hồ sơ khen công tác năm, khen chuyên đề và khen đột xuất thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quyết định được lưu giữ sau 05 năm, kể từ ngày ký quyết định khen thưởng, nếu không có trường hợp khiếu nại thì được bàn giao cho Trung tâm Lưu trữ của tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Quy định về tuyển trình khen

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi mình quản lý.
2. Đối với các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh, các công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty liên doanh... cấp nào quyết định thành lập tổ chức thì cấp đó trình khen và được cụ thể hóa như sau:

- Các công ty do UBND tỉnh quyết định thành lập, là thành viên khối thi đua, khen thưởng; các doanh nghiệp thuộc tỉnh và Bộ ngành của Trung ương quản lý do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc doanh nghiệp trình khen; các doanh

ngành khác thuộc ngành, lĩnh vực có liên quan đến quản lý nhà nước thì ngành đó trình khen hoặc hiệp y đề nghị để xét khen;

- Các doanh nghiệp không thuộc quản lý của ngành, lĩnh vực mà đóng trên địa phương (Huyện, thị xã) nào thì địa phương đó trình khen. Riêng đối với các công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài, trụ sở công ty, doanh nghiệp đóng trên địa phương (Huyện, thị xã) nào thì địa phương đó trình khen thưởng (Trừ các đơn vị là thành viên của tập đoàn kinh tế hoặc thành viên của tổng công ty nhà nước (Do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập) thì do tổng công ty hoặc tập đoàn kinh tế trình khen).

3. Các tập thể, cá nhân của các Bộ, ngành Trung ương, các trường đại học, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế, người nước ngoài...có nhiều đóng góp thì Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

4. Ngành, địa phương nào được UBND tỉnh giao chủ trì phát động, tổ chức các đợt thi đua theo chuyên đề, thì ngành đó, địa phương đó chủ trì phối hợp với Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh để hướng dẫn xét chọn khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải có thành tích cụ thể, tiêu biểu, xuất sắc đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Quy chế này.

5. Việc lấy ý kiến hiệp y đề nghị UBND tỉnh khen thưởng cho các đối tượng khen thưởng thuộc ngành, đơn vị chủ quản do Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh thực hiện. Khi có văn bản đề nghị hiệp y, sau 05 ngày làm việc (Kể từ ngày nhận được văn bản) các cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời, trường hợp không có ý kiến trả lời giao Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.

6. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và nộp BHXH cho người lao động, thì khi trình các hình thức khen thưởng của UBND tỉnh trở lên phải có xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp BHXH cho người lao động.

Điều 27. Quy định thời gian nộp báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; Bản đăng ký giao ước thi đua; Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Báo cáo tổng kết công tác Thi đua, Khen thưởng gửi về Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

2. Bản đăng ký giao ước thi đua và hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết công tác năm gửi về Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh trước ngày 15/01 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu, khen thưởng chuyên đề gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đợt xuất trước 05 ngày làm việc.

- Riêng khối Giáo dục- Đào tạo nộp bản đăng ký giao ước thi đua từ đầu năm học. Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và hồ sơ đề nghị khen thưởng năm học gửi về Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh trước ngày 30/7 hàng năm.

3. Đối với Khen cao (Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng):

Hàng năm trình đợt 1 về Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh trước ngày 30 tháng 3 và đợt 2 trước ngày 30 tháng 6; hệ thống giáo dục thời gian trình chậm nhất ngày 30 tháng 8; lực lượng vũ trang nhân dân đợt 1 trước ngày 01/4 và đợt 2 trước ngày 15/7;

Riêng Cờ thi đua của Chính phủ và Chiến sĩ thi đua toàn quốc:

Tờ trình và hồ sơ đề nghị gửi về Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh chậm nhất vào ngày 01/2 hàng năm (Trường hợp đơn vị phải có nghĩa vụ nộp ngân sách thì hồ sơ trình khen chậm nhất vào ngày 31/2); riêng hệ thống giáo dục thời gian trình chậm nhất ngày 30/8 hàng năm.

Điều 28. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước thực hiện theo các quy định tại Nghị định 154/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Yêu cầu của buổi lễ phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, tạo ra sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn và giữ vững truyền thống.

Điều 29. Mỗi trường hợp được tặng thưởng chỉ tổ chức trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất.

Nếu có nhiều trường hợp được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận chung trong một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của địa phương, đơn vị, ngày lễ lớn của đất nước thì tổ chức trao tặng kết hợp trong buổi lễ kỷ niệm. Các trường hợp khen thưởng đột xuất do đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng kịp thời.

Điều 30. Quy định mẫu bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận khen thưởng: Thực hiện theo Nghị định số 50/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số: 1668/BTĐKT-VP ngày 28/6/2007 của Ban Thi đua- Khen thưởng Trung ương “Về việc Hướng dẫn thực hiện báo cáo thành tích, giấy chứng nhận”. Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị trước khi phát hành Giấy khen, Giấy chứng nhận khen thưởng phải được Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh duyệt, thẩm định mẫu và đăng ký lưu mẫu.

Chương V

QUYỀN LỢI CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Điều 31. Cá nhân, tập thể được công nhận các danh hiệu thi đua và được khen thưởng các hình thức khen thưởng được nhận giấy chứng nhận, khung, bằng, hiện vật, tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo.

Điều 32. Đối với các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thì Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận bằng, hiện vật để tổ chức trao thưởng cho các đối tượng theo quy định.

Điều 33. Cá nhân được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh trở lên được ưu tiên đề nghị nâng lên lương trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh và các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm với mức 1,0% tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc khu vực đồng bằng; mức 1,5% đối với huyện, xã, thị trấn thuộc khu vực miền núi trong tỉnh và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các Sở, ban, ngành, các cơ quan quản lý nhà nước thuộc tỉnh được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được UBND tỉnh giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh được cấp từ nguồn ngân sách tỉnh (Căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức, Sở Tài chính thông nhất tỷ lệ cấp hàng năm) và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Đối với các tổ chức chính trị- xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do các tổ chức, đơn vị tự quyết định theo khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ Quỹ khen thưởng của đơn vị theo quy định của Nghị định số 59/CP ngày 30/10/1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp Nhà nước và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và từ các nguồn thu hợp pháp khác.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, HTX vận tải, dịch vụ ... được trích từ quỹ không chia của HTX, mức

trích do HTX quyết định và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 35. Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi các khoản sau:

1. Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng.

2. Chi in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, biểu mẫu hồ sơ khen thưởng; làm khung giấy khen, khung bằng khen, thù cờ thi đua, làm hiện vật khen thưởng, huy hiệu, hoa tặng.

Điều 36. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của các ngành, đơn vị, địa phương do thủ trưởng đơn vị, địa phương quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

3. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do UBND tỉnh trình khen thưởng được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

4. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một cấp khen của một đối tượng được khen thưởng nếu đạt các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau thì chỉ nhận được tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo đối với mức thưởng cao nhất.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, các danh hiệu đó do có thời gian cống hiến và thành tích đạt được khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu.

6. Cá nhân, tổ chức có thành tích đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được khen thưởng, kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

7. Khen thưởng các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn (Khen chuyên đề) có nguồn kinh phí hoạt động riêng, khi đề nghị khen thưởng được sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định.

Điều 37. Mức tiền thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của UBND tỉnh, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn, thủ trưởng các Sở, ban, ngành,

các đơn vị trong tỉnh và chế độ ưu đãi được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 73, 76 Nghị định 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, đạt giải trong các hội thi, hội diễn... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá hai lần mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Trường hợp tặng cờ của UBND tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về lĩnh vực nộp thuế thực hiện theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 20/8/2008 về việc quy định đánh giá kết quả hoạt động và khen thưởng đối với các doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh.

4. Tặng thưởng Kỷ niệm chương của tỉnh có quy chế riêng.

Chương VII

NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TỈNH

Điều 38. Nhiệm vụ của Hội đồng

1. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh trong việc đề ra các chủ trương, kế hoạch, biện pháp tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua và sửa đổi, bổ sung chế độ chính sách khen thưởng của tỉnh.

2. Giúp UBND tỉnh chỉ đạo, quản lý công tác Thi đua, Khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh, thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào thi đua phát triển sâu rộng đều khắp, đúng hướng mà Đảng, Nhà nước đề ra trong từng giai đoạn cách mạng.

3. Xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và đặc biệt xuất sắc qua phong trào thi đua yêu nước để Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Trung ương, Ban Thi đua- Khen thưởng Trung ương xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng.

4. Theo dõi, tổng hợp tình hình phát triển phong trào thi đua, khen thưởng của các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể quần chúng, các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, các địa phương để báo cáo định kỳ cũng như đột xuất với UBND tỉnh, Ban Thi đua- Khen thưởng Trung ương và các cơ quan liên quan.

5. Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công tác Thi đua, Khen thưởng của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, các khối thi đua của tỉnh.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả do hành vi vi phạm gây ra sẽ bị xử lý theo quy định tại các Điều 77, 78 Nghị định 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng được UBND tỉnh tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân trước đây được xét vào thành tích liên tục của các tập thể, cá nhân theo quy định tại Quy chế này.

2. Ngoài các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được quy định trong quy chế này, các đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, Khen thưởng.

3. Ban Thi đua- Khen thưởng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện quy chế này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện quy chế để trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Phúc